

Thứ hai, ngày 31 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực bán gia tăng nhưng sắc xanh vẫn được duy trì

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/9/2020		•	
Tuần 31/8-4/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng mạnh ngay từ đầu phiên; tuy nhiên, sau ít phút giao dịch buổi sáng khá tích cực, áp lực bán gia tăng tại vùng kháng cự xung quanh khu vực 886 điểm khiến thị trường đảo chiều. Chỉ số VNIndex có tín hiệu phục hồi nhẹ vào cuối phiên, và đóng cửa tại mức 881.65, chỉ tăng 0.30% so với phiên trước đó. Dòng tiền đầu tư tỏ ra khá tiêu cực khi chỉ có 6/19 nhóm ngành tăng điểm, trong đó hai nhóm ngành Du lịch và giải trí, và Bảo hiểm có mức tăng mạnh nhất. Trong khi đó, khối ngoại vẫn tiếp tục duy trì một phiên bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước, tuy nhiên vẫn được duy trì ổn định, mặt khác, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư tương đối thận trọng hơn về thị trường. Theo đánh giá của chúng tôi, với việc nhà đầu tư khá lưỡng lự xung quanh khu vực 886 điểm, nhiều khả năng thị trường sẽ tiếp tục một vài nhịp điều chỉnh trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Đa số HDTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, ngoại trừ VN30F2103. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Đầu tư công_0.6%

Phân tích kỹ thuật: VJC_Xu hướng hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.67** điểm, đóng cửa **881.65**. HNX-Index **-0.99** điểm, đóng cửa **124.85**.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+1.95)**; **SAB (+1.8)**; **VNM (+0.84)**; **CTG (+0.64)**; **BID (+0.46)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.42)**; **TCB (-0.29)**; **GVR (-0.22)**; **LGC (-0.18)**; **VPB (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,651** tỷ đồng, **-6.19%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.18 điểm. Thị trường có **159** mã tăng, 45 mã tham chiều và **255** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-288.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-101.2 tỷ)**, **VIC (-49.0 tỷ)** và **VRE (-47 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-18.97** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **881.65**

Giá trị: 5651.91 tỷ **2.67 (0.3%)**

Khối ngoại (ròng): -288.94 tỷ

HNX-INDEX **124.85**

Giá trị: 467.76 tỷ **-0.99 (-0.79%)**

Khối ngoại (ròng): -18.97 tỷ

UPCOM-INDEX **58.82**

Giá trị: 0.42 tỷ **-0.51 (-0.86%)**

Khối ngoại(ròng): 6.5 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	43.5	1.19%
Giá vàng	1,959	-0.32%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,629	0.77%
Tỷ giá JPY/VND	21,885	-0.46%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	45.30%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	84.4	VHM	-101.2
CTG	14.4	VIC	-49.0
VNM	7.5	VRE	-47.0
HDB	5.4	VCB	-28.6
NLG	3.8	HCM	-23.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	4/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Đầu tư công	0.6%	0.6%	18.6%	15.2%	15.2%	8.6%	30.8%
FTSE Việt Nam	0.6%	0.6%	7.0%	5.1%	5.1%	-6.1%	27.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	0.5%	8.1%	5.9%	5.9%	-8.3%	27.0%
Corona Avengers	0.4%	0.4%	15.2%	8.6%	8.6%	4.6%	38.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	0.2%	13.1%	10.4%	10.4%	-1.9%	29.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	0.2%	11.2%	9.8%	9.8%	-3.7%	30.3%
Dầu khí	-0.1%	-0.1%	19.4%	8.1%	8.1%	-17.3%	42.1%
Ngân Hàng	-0.3%	-0.3%	16.7%	13.4%	13.4%	3.5%	36.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.3%	-0.3%	15.5%	10.2%	10.2%	-11.5%	34.9%
VN Diamond	-0.3%	-0.3%	14.9%	9.7%	9.7%	-9.8%	33.3%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.4%	-0.4%	15.4%	14.1%	14.1%	1.0%	26.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.4%	15.2%	12.1%	12.1%	9.5%	30.5%
VN FinSelect	-0.4%	-0.4%	11.7%	6.6%	6.6%	-4.9%	32.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	-0.4%	11.8%	7.0%	7.0%	-4.8%	33.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	-0.4%	16.0%	11.8%	11.8%	-5.5%	32.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.6%	-0.6%	14.1%	10.5%	10.5%	12.9%	23.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	-0.6%	14.5%	8.9%	8.9%	2.3%	32.4%
Nước & Năng lượng	-0.8%	-0.8%	11.7%	12.5%	12.5%	1.2%	28.1%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	-0.8%	19.3%	14.8%	14.8%	-0.7%	32.9%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-0.8%	16.4%	11.1%	11.1%	1.9%	31.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.9%	-0.9%	5.4%	12.6%	12.6%	3.1%	23.4%
Xây dựng	-1.3%	-1.3%	16.9%	14.2%	14.2%	5.5%	32.6%
Lãi suất giảm	-1.6%	-1.6%	16.3%	12.0%	12.0%	8.6%	34.5%
Stay-at-home	-1.7%	-1.7%	17.8%	13.2%	13.2%	18.4%	36.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-2.7%	-2.7%	13.2%	15.3%	15.3%	16.1%	33.4%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.4%	0.4%	16.5%	12.4%	12.4%	-2.4%	33.2%
L32	0.0%	0.0%	13.0%	8.2%	8.2%	-12.7%	33.3%
S21	-0.1%	-0.1%	15.4%	11.2%	11.2%	-4.0%	30.0%
S11	-0.2%	-0.2%	12.6%	10.5%	10.5%	9.7%	28.1%
L22	-0.2%	-0.2%	16.1%	10.7%	10.7%	-6.1%	30.3%
L11	-0.4%	-0.4%	13.9%	9.8%	9.8%	-2.5%	26.7%
M22	-0.5%	-0.5%	12.9%	9.4%	9.4%	3.7%	28.1%
M12	-0.6%	-0.6%	13.4%	8.4%	8.4%	-3.3%	27.7%
S32	-1.0%	-1.0%	15.6%	9.1%	9.1%	-11.6%	36.4%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.1%	-0.1%	13.9%	9.1%	9.1%	-5.4%	30.8%
MID1	-0.5%	-0.5%	14.2%	12.9%	12.9%	9.0%	27.8%
LOW1	-0.5%	-0.5%	12.1%	6.3%	6.3%	-4.6%	28.0%

INDEX							
VNINDEX	0.3%	0.3%	10.4%	6.9%	6.9%	-8.3%	26.5%
VN30INDEX	0.2%	0.2%	11.2%	6.9%	6.9%	-6.3%	27.8%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	4	21	4	21	22	3
Mục tiêu	9	1	8	1	8	9	0
Rủi ro	3	0	3	0	3	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 31/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	43.46	1.14%	2.00%	8.00%	-15.76%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	46.47	1.44%	1.80%	6.60%	-20.77%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	132.41	0.65%	-3.10%	11.20%	-17.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1959.23	-0.29%	1.60%	0.10%	30.68%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.79	1.03%	4.40%	18.30%	53.52%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	965.00	1.53%	6.50%	8.60%	3.62%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	554.00	0.96%	5.00%	3.40%	10.52%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.76	0.00%	0.80%	-5.00%	15.69%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	183.30	4.15%	11.00%	19.20%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.60	-1.33%	-1.80%	4.90%	-1.41%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	126.35	3.27%	5.50%	10.30%	16.67%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6667.00	0.69%	2.70%	3.00%	18.63%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	549.22	1.44%	1.80%	6.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1800.00	1.07%	2.00%	4.30%	2.92%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.29	2.91%	1.80%	14.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.90	1.17%	3.60%	-6.40%	-32.29%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11 tăng 46 US cent, hay 1.0%, lên 46.27 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 10 tăng 28 US cent, hay 0.7%, lên 43.25 USD/thùng. Dầu tăng chủ yếu bởi cơn bão Laura và lốc xoáy Marco buộc các giàn khoan thuộc vịnh Mexico phải giảm một nửa sản lượng, tương đương 1 triệu thùng/ngày. Dầu tăng chủ yếu bởi Abu Dhabi National Oil Company cho biết kế hoạch cắt giảm 30% sản lượng trong tháng 10, theo điều hành của chính phủ UAE nhằm đạt được mục tiêu trong thỏa thuận với OPEC+. Trung Quốc cho thấy tín hiệu vĩ mô phục hồi tích cực, PMI dịch vụ tăng lên 55.2 điểm trong tháng 8 từ 54.2 điểm trong tháng 7

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,961.54 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.3% xuống 1,968.80 USD/ounce. Vàng giảm nhẹ chủ yếu bởi giá trị USD hồi phục.

	31/8	% 31/8	28/8	% 28/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	881.65	0.30%	878.98	0.49%	1.49%	10.05%
S&P 500			3508.01	0.67%	3.26%	7.66%
HĐTL S&P500	3517.50	0.37%	3504.50	0.55%	2.63%	8.27%
Shang- hai	3395.68	-0.24%	3403.81	1.60%	0.30%	3.31%
Euro Stoxx	3344.11	0.86%	3315.54	-0.47%	0.37%	4.24%

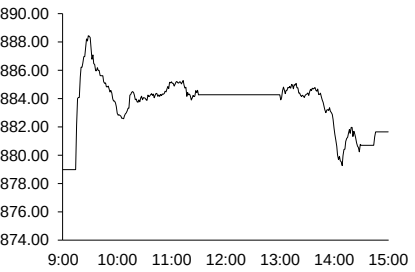
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-3.04%
Truyền thông	-1.15%
Xây dựng và Vật liệu	-1.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.92%
Hóa chất	-0.77%
Dịch vụ tài chính	-0.71%
Công nghệ Thông tin	-0.68%
Y tế	-0.35%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.33%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.28%
Bất động sản	-0.18%
Ngân hàng	0.00%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	0.22%
Dầu khí	0.31%
Tài nguyên Cơ bản	0.83%
Thực phẩm và đồ uống	1.83%
Bảo hiểm	2.42%
Du lịch và Giải trí	2.61%

Hình 1

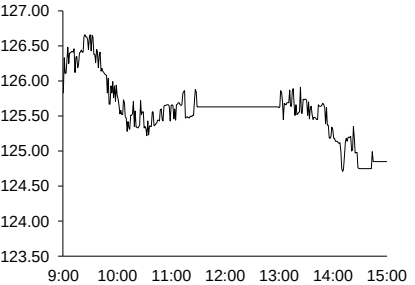
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

VJC_Xu hướng hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VJC đang hình thành xu hướng hồi phục sau tích lũy trung hạn tại ngưỡng giá 100. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng hồi phục tích cực này. Đường giá cổ cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở mức giá 103.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 112.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 100.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

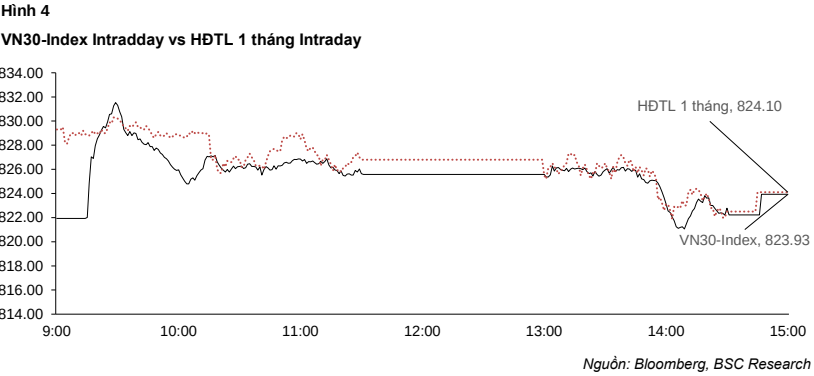
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.35	3	-1.06%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.6	4	-3.15%	Có thể tiếp tục mua
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	17	5	-0.87%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	93.4	6	6.62%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	11.85	10	0.00%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	13.9	11	3.73%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105.9	14	7.62%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	74.1	19	4.07%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.2	20	8.44%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	45	21	1.35%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.11	25	10.02%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	25.7	27	11.50%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	76.2	28	12.97%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	15.1	33	27.97%	Cần nhắc không mua thêm (**)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.35	61	4.30%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31.1	68	1.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.55	74	11.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.5	76	4.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.1	87	2.42%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	TP	29	13.27%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	3	7.44%	-1.69%	6.00%	31
Cổ phiếu đã chốt	20	22	10.28%	-8.34%	0.53%	14

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	824.10	0.13%	0.17	-2.3%	140,117	9/17/2020	18
VN30F2010	819.00	0.05%	-4.93	4.3%	388	10/15/2020	46
VN30F2012	816.70	0.04%	-7.23	-58.1%	36	12/17/2020	109
VN30F2103	815.90	-0.27%	-8.03	-6.8%	41	3/18/2021	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2 điểm lên mức 823.93 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, SAB, VJC, CTG và HPG tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 bật lên khá mạnh từ đầu phiên nhưng đã dần thu hẹp đà tăng trong suốt thời gian giao dịch. VN30 có thể sẽ có những phiên dao động trong biên độ hẹp vào những phiên tới.

- Đa số HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, ngoại trừ VN30F2103. Chỉ có duy nhất VN30F2010 tăng về khối lượng giao dịch. Đa số các hợp đồng tăng về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM2002	12/16/2020	107	3:1	138,110	43.17%	1,700	3,620	18.30%	2,310	1.57	16,952	15,252	16,500
CMSN2005	10/29/2020	59	5:1	913,480	33.75%	2,100	600	13.21%	268	2.24	70,500	60,000	55,000
CHPG2011	10/20/2020	50	3:1	336,960	38.41%	2,350	2,770	2.97%	588	4.71	29,900	25,200	24,550
CHPG2008	11/30/2020	91	1:1	276,270	38.41%	4,100	3,810	2.70%	809	4.71	32,100	28,000	24,550
CVNM2004	11/30/2020	91	1:1	21,320	33.39%	17,500	13,060	2.43%	10,280	1.27	133,973	116,473	121,000
CHPG2009	10/29/2020	59	2:1	75,690	38.41%	1,600	3,870	2.11%	1,408	2.75	25,700	22,500	24,550
CHPG2013	12/1/2020	92	1:1	54,830	38.41%	6,900	6,880	1.47%	2,301	2.99	30,900	24,000	24,550
CHPG2015	3/1/2021	182	1:1	38,550	38.41%	6,700	6,180	0.65%	2,106	2.93	33,200	26,500	24,550
CMWG2009	10/23/2020	53	3:1	394,830	41.56%	1,600	1,740	0.00%	1,680	1.04	94,800	82,000	93,400
CHPG2010	4/5/2021	217	4:1	511,180	38.41%	1,800	1,150	0.00%	202	5.68	40,300	33,100	24,550
CVHM2002	11/30/2020	91	1:1	60,810	38.72%	11,500	7,910	-2.35%	7,233	1.09	88,500	77,000	78,500
CMWG2010	1/14/2021	136	3:1	177,060	41.56%	1,400	1,750	-3.85%	1,664	1.05	96,000	82,000	93,400
CVRE2006	10/29/2020	59	4:1	538,650	45.27%	1,100	1,200	-4.76%	1,152	1.04	27,400	23,000	27,000
CHDB2006	10/8/2020	38	3:1	144,170	40.19%	2,180	2,140	-5.73%	2,003	1.07	29,060	24,700	28,350
CSTB2004	11/30/2020	91	3:1	190,900	43.35%	1,400	1,190	-6.30%	1,125	1.06	12,400	11,000	11,200
CFPT2003	11/9/2020	70	1:1	38,210	33.09%	7,300	10,910	-6.75%	2,837	3.85	57,300	50,000	49,500
CFPT2007	10/23/2020	53	5:1	226,470	33.09%	1,690	1,670	-8.24%	1,343	1.24	51,950	43,500	49,500
CSTB2002	12/16/2020	107	1:1	326,090	43.35%	1,700	1,100	-9.09%	829	1.33	13,588	11,888	11,200
CVRE2005	11/30/2020	91	1:1	108,190	45.27%	4,000	2,020	-9.82%	2,139	0.94	32,000	28,000	27,000
CVPB2007	10/29/2020	59	2:1	214,620	46.38%	1,700	1,160	-14.07%	1,128	1.03	25,900	22,500	23,350
Tổng		4,571,770	39.27%**										
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm. CDPM2002 tăng mạnh 18.30%. Trái lại, CVPB2007 và CVRE2005 giảm mạnh lần lượt là -14.07% và -9.82%. Giá trị giao dịch giảm -15.07%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.47% thị trường.
- CMSN2004, CVRE2005, CVNM2003, CVPB2006, và CMWG2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CHPG2005, và CVNM2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	93.4	0.6%	1.3	1,838	3.9	8,348	11.2	3.0	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	60.0	-1.3%	1.3	587	1.7	4,629	13.0	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	49.9	3.9%	1.4	1,611	4.8	1,640	30.4	1.9	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.5	0.3%	0.4	326	0.4	2,651	12.6	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	90.0	0.1%	0.8	13,236	1.1	2,255	39.9	3.8	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	27.0	-0.7%	1.1	2,668	5.0	1,057	25.6	2.2	30.5%	8.9%
VHM	Bất động sản	78.5	-0.1%	1.3	11,227	5.7	6,784	11.6	3.8	20.6%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.7	-3.2%	1.4	218	3.4	658	14.7	0.8	35.9%	2.9%
SSI	Chứng khoán	14.9	-1.3%	1.3	389	2.6	1,718	8.7	0.9	48.7%	10.7%
VCI	Chứng khoán	25.2	-1.2%	1.0	180	1.4	4,110	6.1	1.1	29.1%	18.7%
HCM	Chứng khoán	18.6	-1.6%	1.7	246	2.9	1,608	11.5	1.3	50.6%	11.5%
FPT	Công nghệ	49.5	-0.8%	0.8	1,687	4.2	4,280	11.6	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.8	0.2%	0.4	581	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.1	-0.1%	1.4	6,166	1.8	5,169	14.3	2.7	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	52.5	0.4%	1.5	2,752	8.3	441	119.1	3.2	14.8%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.6	-0.8%	1.5	262	2.3	1,301	9.7	0.5	10.6%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.5	-1.5%	0.8	876	0.6	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.5	-0.5%	0.6	600	0.0	5,044	20.9	4.3	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.5	4.8%	0.4	281	4.1	1,700	9.7	0.8	11.3%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.3	2.0%	0.5	214	1.3	709	13.1	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.0	-0.5%	1.1	13,384	3.5	4,915	16.9	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	41.0	1.0%	1.3	7,161	3.6	2,132	19.2	2.2	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	25.7	2.4%	1.2	4,160	8.3	2,995	8.6	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.4	-1.1%	1.2	2,475	3.4	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	18.0	0.3%	1.0	1,882	3.1	3,497	5.1	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.2	-0.9%	1.0	1,992	6.5	2,884	7.4	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	56.0	-2.3%	0.9	199	0.5	5,781	9.7	1.9	82.9%	19.5%
NTP	Nhựa	31.4	-0.6%	0.4	161	0.0	3,348	9.4	1.5	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.4	2.7%	0.3	662	0.1	356	43.3	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.6	1.0%	1.1	3,537	14.2	2,632	9.3	1.6	35.5%	18.1%
HSG	Thép	11.3	-0.9%	1.5	218	3.5	1,767	6.4	0.8	10.1%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	121.0	1.4%	0.8	9,161	8.5	5,538	21.8	7.0	58.5%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	191.5	5.2%	0.8	5,339	2.2	6,328	30.3	6.7	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	55.0	0.9%	1.0	2,809	3.1	3,255	16.9	2.8	38.4%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.4	-1.7%	0.8	366	2.0	561	25.6	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	58.0	4.5%	0.8	5,490	0.6	3,450	16.8	3.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	103.0	2.4%	1.1	2,346	2.2	3,465	29.7	3.6	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	25.7	4.3%	1.7	1,585	1.5	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	22.7	-1.3%	0.9	293	0.7	1,377	16.5	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.6	2.2%	1.2	142	1.4	2,007	5.8	0.7	21.4%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.5	-0.9%	1.0	428	0.4	8,104	7.8	3.0	3.1%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.5	-2.1%	0.8	419	0.5	1,363	15.8	1.5	8.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.6%	1.0	258	0.8	1,937	8.0	1.1	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	76.2	-1.7%	1.1	253	2.5	8,467	9.0	0.7	46.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.5	-2.4%	0.3	192	0.8	1,615	11.5	0.9	35.9%	8.0%
REE	Điện	36.9	0.1%	-1.4	497	0.5	4,780	7.7	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.2	-1.5%	-0.4	133	0.4	2,178	8.8	0.8	16.5%	9.9%
POW	Điện	10.1	-0.5%	0.6	1,023	1.1	925	10.9	0.8	11.2%	8.0%
NT2	Điện	22.7	-1.1%	0.6	283	0.2	2,685	8.4	1.4	18.6%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.7	-1.8%	0.9	280	1.2	1,242	11.0	0.7	20.7%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	33.6	12%	0.9	1,512	0.3	#N/A	N/A	N/A	2.4	2.1% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	191.50	5.22	1.73	271460
VNM	121.00	1.42	0.84	1.63MLN
CTG	25.70	2.39	0.64	7.36MLN
BID	40.95	0.99	0.46	2.01MLN
HVN	25.70	4.26	0.42	1.37MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.42	971310	1.11MLN
TCB	0.00	-0.30	1.79MLN	607060
GVR	0.00	-0.23	1.82MLN	373600
LGC	-0.01	-0.19	7510.00	192700
VPB	0.00	-0.18	3.37MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDS	7.05	6.98	0.01	13130.00
DXV	3.68	6.98	0.00	48710
PNC	9.20	6.98	0.00	390
TNC	23.00	6.98	0.01	3680
DTA	4.15	6.96	0.00	35190

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KPF	14.65	-6.98	-0.01	8290
UDC	5.87	-6.97	0.00	178470
PTL	7.90	-6.95	-0.02	26440.00
DAT	38.95	-6.93	-0.04	1680
TTE	14.80	-6.92	-0.01	110

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

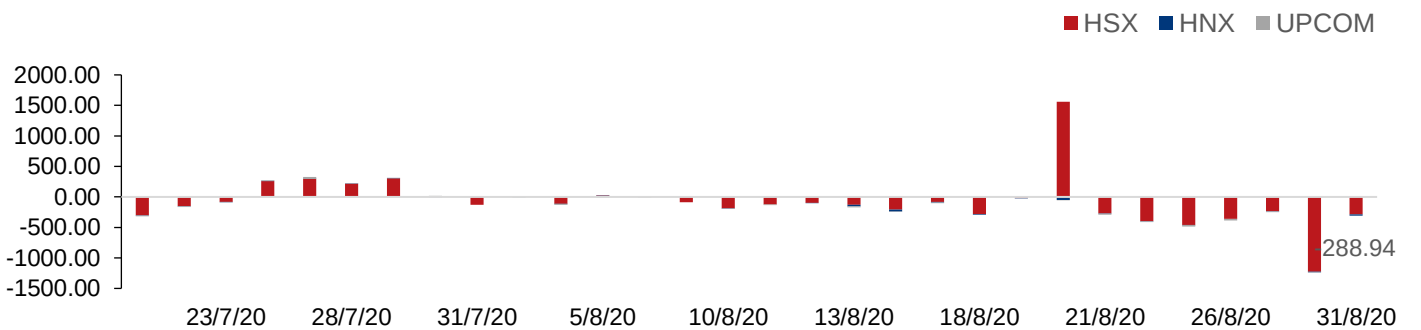
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TAR	20.10	9.64	0.04	1.12MLN
CTB	34.50	9.52	0.03	3900
TVC	8.10	9.46	0.03	484700
VIF	18.00	3.45	0.02	400
LIG	6.30	8.62	0.02	1.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.20	-0.93	-0.42	7.01MLN
SHB	13.90	-0.71	-0.15	3.84MLN
S99	21.40	-7.76	-0.08	921400
SHS	11.20	-2.61	-0.06	2.50MLN
VCG	35.30	-1.67	-0.04	554300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTP	4.40	10.0	0.00	216200
LUT	2.20	10.0	0.00	106900
ADC	15.50	9.9	0.00	6900
VXB	4.50	9.8	0.00	2900
DXP	12.40	9.7	0.01	336600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HMH	9.00	-10.00	-0.01	100
SD6	2.70	-10.00	0.00	516500
VC2	12.60	-10.00	-0.01	3500
VNF	28.80	-10.00	-0.01	100
VNC	31.20	-9.57	-0.01	600

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	93.4	8,348	11.2	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.1	885	9.2	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.1	5,465	7.0	1.3	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	1,948	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.6	2,632	9.3	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.6	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.4	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	45.3	9,642	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	55.0	3,255	16.9	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	39.0	4,666	8.3	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.3	1,767	6.4	0.8	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	45.0	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.0	1,902	13.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.6	2,632	9.3	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.3	3,103	6.9	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	60.0	4,629	13.0	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.9	4,105	25.8	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.7	658	14.7	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.4	1,721	11.9	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.7	7,132	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	23.9	5,224	4.6	1.1	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	45.8	4,739	9.7	1.9	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.0	4,915	16.9	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.2	2,884	7.4	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	38.1	5,465	7.0	1.3	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.5	5,872	9.6	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	49.5	4,280	11.6	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	22.7	1,377	16.5	1.1	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	1,242	11.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	191.5	6,328	30.3	6.7	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	1,948	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	121.0	5,538	21.8	7.0	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.6	1,407	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	93.4	8,348	11.2	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.0	2,088	8.1	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.5	5,044	20.9	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.6	2,007	5.8	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	60.0	4,629	13.0	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	35.7	4,313	8.3	1.7	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	213.0	14,782	14.4	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày		
Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn